

The image shows the Yuan Ze University logo, which consists of the letters 'Y', 'Z', and 'U' in red, blue, and yellow respectively, arranged in a circle. The letters are 3D and set against a background of a large, modern concrete building with a large overhang. The text 'YUAN ZE UNIVERSITY' is overlaid on the logo in white, with 'YUAN ZE' on the top line and 'UNIVERSITY' on the bottom line.

YUAN ZE  
UNIVERSITY

**2026-2027 學年度 國際專修部申請入學簡章  
【2026 學年度入學】**

**Sổ Tay Tuyển Sinh Học Kỳ Mùa Xuân Năm 2026-2027  
Chương Trình Dự Bị Quốc Tế**

**元智大學**

報名方式：一律採用線上申請系統報名 Đơn Đăng ký Trực tuyến

元智大學 全球事務處 國際專修部

Văn Phòng Quan hệ Toàn Cầu, khoa Nghiên Cứu Quốc Tế, Đại học Nguyên Trí

Email : [yzuadmission@saturn.yzu.edu.tw](mailto:yzuadmission@saturn.yzu.edu.tw)

聯絡電話 Điện thoại liên hệ : +886-3-4638800 ext. 3282, 3289

聯絡地址 : 320315 桃園市中壢區遠東路 135 號

Địa chỉ: Số 135, Đường Yuandong, quận Trung Lịch, Thành phố Đào Viên, Đài Loan

## 元智大學 115 學年度申請國際專修部重要日程表

### Mốc thời gian quan trọng của Chương Trình Dự Bị Quốc Tế trong năm học 2026-2027

【本項招生所列時間皆為台灣時間 Taiwan Time】

[ Các mốc thời gian được liệt kê trong mục tuyển sinh này đều theo giờ Đài Loan]

	項目 Hạng mục	日期 Mốc thời gian	
秋季班 Kỳ Học Mùa Thu	網路報名時間 Nộp đơn đăng ký trực tuyến	2026 年 3 月 1 日至 2026 年 5 月 10 日 Ngày 1 tháng 3, 2026 – Ngày 10 tháng 5, 2026	
	審查及面試 Xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn	2026 年 5 月 11 日至 2026 年 6 月 29 日 Ngày 11 tháng 5, 2026 – Ngày 29 tháng 6, 2026	
	錄取結果公告 Thông báo về kết quả xét tuyển	2026 年 6 月 30 日 Ngày 30 tháng 6, 2026	
	確認就讀意願 Xác nhận nhập học	2026 年 7 月 5 日前 Trước ngày 5 tháng 7, 2026	
	寄發錄取通知 Chuyển phát thư nhập học	2026 年 7 月中旬 Giữa tháng 7, 2026	
	新生註冊 Nhập học	2026 年 9 月* Tháng 9, 2026	
	春季班 Kỳ Học Mùa Xuân	網路報名時間 Nộp đơn đăng ký trực tuyến	2026 年 8 月 15 日至 2026 年 10 月 1 日 Ngày 15 tháng 8, 2026 – Ngày 1 tháng 10, 2026
		審查及面試 Xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn	2026 年 10 月 2 日至 2026 年 11 月 19 日 Ngày 2 tháng 10, 2026 – Ngày 19 tháng 11, 2026
錄取結果公告 Thông báo về kết quả xét tuyển		2026 年 11 月 20 日 Ngày 20 tháng 11, 2026	
確認就讀意願 Xác nhận nhập học		2026 年 11 月 25 日前 Trước ngày 25 tháng 11, 2026	
寄發錄取通知 Chuyển phát thư nhập học		2026 年 11 月下旬 Cuối tháng 11, 2026	
新生註冊 Nhập học		2027 年 2 月* Tháng 2, 2027	

\*依本校行事曆所定之日期為準，請至元智大學網站查詢：<https://www.yzu.edu.tw/index.php/tw/>。

\* Vui lòng tham khảo lịch học của nhà trường để biết ngày chính xác: <https://www.yzu.edu.tw/index.php/tw/>

※中越文版本如有不同，應以中文版本為主。

※Nếu như có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa bản dịch tiếng Việt và tiếng Trung, thì bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên sử dụng.

除宣傳、推廣及協助學生辦理來臺必要程序外，本校並未委外辦理招生業務

Ngoài việc tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ học sinh hoàn thành các thủ tục cần thiết để đến Đài Loan, nhà trường không ủy quyền cho bất kỳ công ty đại diện nào trong công tác tuyển sinh.

**網路報名網址 Mã QR Đăng kí online**

**<https://yzu-apply.yzu.edu.tw/>**

確認申請資格及申請學系  
Xác nhận đủ điều kiện và Ngành học  
muốn đăng ký

- Thông tin Đại học Nguyên Trí (YZU)  
<https://gao.yzu.edu.tw/index.php/tw/>
- 申請人至多可申請 3 個志願。  
Đăng kí nhiều nhất 3 ngành học.

網路報名  
Đăng ký online

- 請至元智大學境外生報名系統報  
Đăng kí online tại <https://yzu-apply.yzu.edu.tw/>
- 報名作業時間請參照日程表  
Tham khảo lịch trình để biết thời gian đăng ký.
- 請依報名系統指示及簡章說明，確實填寫  
資料，上傳必繳項目，並且完成面試。  
Vui lòng tham khảo hướng dẫn đăng ký nhập học, điền đầy đủ thông tin và tải tất cả các tài liệu cần thiết lên hệ thống đăng kí.

填寫申請資料、繳交申請文件  
Điền đơn đăng ký và nộp các giấy tờ cần  
thiết

審查及面試  
Xét duyệt hồ sơ và Phỏng vấn

- 採書面審查及面試，申請學生若無法參加  
面試，則不予錄取。面試方式及時間另行  
通知。  
Việc xét tuyển được quyết định thông qua  
đánh giá hồ sơ đăng ký và phỏng vấn. Ứng  
viên không thể tham dự phỏng vấn sẽ không  
được nhận. Hình thức và lịch phỏng vấn sẽ  
được thông báo riêng.

審查結果查詢及回覆  
Kiểm tra kết quả và xác nhận

- 請登入報名網址查詢審查結果，並於期限  
內回覆報到意願。  
Hãy kiểm tra kết quả trên trang web và xác  
nhận nhập học trước thời hạn.
- 如逾期末回覆，視同放棄錄取資格。  
Không phản hồi trước thời hạn sẽ được xem  
là từ bỏ quyền đủ tư cách nhập học.

錄取公告、寄發錄取通知  
Công bố kết quả trúng tuyển và gửi Thông  
báo nhập học

- 錄取通知書將以 Email 及紙本信件方式寄  
發。  
Thư Nhập học sẽ được gửi qua email và bản  
cứng qua bưu điện.

**元智大學 2026 學年度國際專修部學生申請入學簡章**  
**Hướng dẫn đăng kí nhập học đại học Nguyên Trí năm học 2026 cho sinh viên quốc tế**

壹、	申請資格 Điều kiện đăng ký .....	1
貳、	招生名額及系所 Chỉ tiêu và Ngành tuyển sinh .....	3
參、	修業年限 Thời gian chương trình.....	3
肆、	報名方式 Phương Thức Đăng Kí .....	4
伍、	應繳資料及證明文件 Thông tin và yêu cầu .....	4
陸、	錄取原則 Nguyên tắc nhập học .....	6
柒、	申訴程序 Thủ Tục Khiếu Nại.....	6
捌、	相關注意事項 Lưu Ý Liên Quan .....	7
玖、	註冊相關規定 Qui Định Đăng Kí .....	7
壹拾、	收退費標準 Học phí và lệ phí .....	8
壹拾壹、	學校獎助學金 Học bổng YZU .....	10
【附件一】	元智大學國際專修部外國學生具結書 [Phụ lục 1] Bản cam kết của Sinh viên Chương trình Dự bị Quốc tế .....	11
【附件二】	華語程度調查表 [Phụ lục 2] Khảo sát trình độ tiếng Trung.....	13
【附件三】	元智大學國際專修部學生獎助學金辦法 [Phụ lục 3] Học bổng .....	14

**元智大學 2026 學年度國際專修部學生申請入學簡章**  
**Sổ Tay Chương Trình Dự Bị Quốc Tế Năm 2026-2027**

**壹、申請資格 Điều kiện đăng ký**

- 一、具外國國籍且未曾具有中華民國國籍(\*註 1)，於申請時不具僑生身分者，得申請入學。  
Ứng viên có Quốc tịch nước ngoài, đồng thời chưa từng có Quốc tịch Đài Loan, và tại thời điểm đăng ký không phải là sinh viên Hoa Kiều.
- 二、具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留(\*註 2)海外六年以上者(\*註 3)，得申請入學。
  1. 申請時兼具中華民國國籍，應自始未曾在臺設有戶籍。
  2. 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。
  3. 前 2 款未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。  
Ứng viên có quốc tịch nước ngoài, đã sống ở nước ngoài ít nhất 6 năm tính đến thời điểm đăng ký, và đáp ứng được các yêu cầu dưới đây:
    1. Ứng viên có Quốc Tịch Đài Loan nhưng chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan.
    2. Ứng viên đã từng có quốc tịch Đài Loan, nhưng tại thời điểm đăng ký nhập học đã hủy bỏ Quốc tịch Đài Loan, thời gian tính từ lúc Bộ nội vụ chấp thuận bỏ Quốc tịch Đài Loan đến thời điểm đăng ký nhập học phải tròn 8 năm.
    3. Ứng viên được đề cập ở 2 hạng mục trên, chưa từng nhập học với tư cách là sinh viên Hoa Kiều và chưa được nhận bởi bất cứ một trường Đại Học nào cho năm học hiện tại.
- 三、具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留(\*註 2)六年以上者，得申請入學  
Ứng viên có quốc tịch nước ngoài, có hộ khẩu thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao, không có hộ khẩu tại Đài Loan và đã sống liên tục ở Hồng Kông, Ma Cao hoặc ở nước ngoài trong hơn sáu năm liên tục tính đến thời điểm đăng ký. (\*Lưu ý 2)
- 四、曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外(\*註 2)六年以上者，得申請入學。  
Ứng viên đã từng là công dân của khu vực Trung Quốc Đại Lục có quốc tịch nước ngoài và chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, đã sống ở nước ngoài trong hơn sáu năm liên tục tính đến thời điểm đăng ký. (\*Lưu ý 2)
- 五、依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經教育部核准，得申請入學。  
Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục, công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài giới thiệu đến học tập tại Đài Loan và chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan, có thể đăng ký nhập học với sự chấp thuận của Bộ Giáo dục .
- 六、外國學生申請來臺就讀學士班以下學程，在國內停留未滿一年，因故退學或喪失學籍，得重新申請來臺就學，並以一次為限。  
Sinh viên nước ngoài đăng ký học tại Đài Loan để lấy bằng cử nhân hoặc cấp thấp hơn, từng ở lại Đài Loan dưới một năm, đã từng bỏ học hoặc mất tư cách sinh viên vì một số lý do, có thể nộp đơn lại để ứng tuyển và chỉ được một lần duy nhất
- 七、外國學生具國外高中畢業資格者或具有與我國學制相當之同等學力資格者，得申請入學本校學士班。  
Sinh viên nước ngoài có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông ở nước sở tại hoặc trình độ

học vấn tương đương tương đương với hệ thống học thuật của Đài Loan có thể nộp đơn đăng kí.

八、外國學生申請入學本校學歷採認，除依我國「外國學生來臺就學辦法」規定辦理，並應符合以下規定：

1. 持大陸地區學歷：應依我國「大陸地區學歷採認辦法規定辦理」。
2. 持香港或澳門學歷：應依我國「香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定」辦理。
3. 持同等學力申請入學者，其同等學力認定標準應符合我國教育部公告之「入學大學同等學力認定標準」。

Đối với sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học, việc công nhận trình độ học vấn sẽ được xử lý theo quy định của "Quy định dành cho sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan" và phải tuân theo các quy định sau:

1. Ứng viên có bằng cấp học thuật ở Trung Quốc Đại lục, phải được xử lý theo "Quy định công nhận học vị ở Trung Quốc Đại Lục" của Đài Loan.
2. Ứng viên có bằng cấp học thuật của Hồng Kông hoặc Ma Cao, phải được xử lý theo "Quy định về các biện pháp xác minh và công nhận bằng cấp học thuật của Hồng Kông và Ma Cao" của Đài Loan.
3. Đối với những ứng viên có trình độ học vấn tương đương, trình độ học vấn tương đương phải đáp ứng "Tiêu chuẩn chứng nhận giáo dục tương đương cho các trường đại học đầu vào" do Bộ Giáo dục Đài Loan công bố.

九、國外高中或大學學歷文件須符合我國教育部採認之學校。請參考我國教育部兩岸教育司網頁查詢：請至我國教育部網頁→點選「國際及兩岸教育司」→點選「主題專區」→點選「海外留學」→點選「外國大學校院參考名冊」。

Các giấy tờ về bằng tốt nghiệp cấp 3 hoặc đại học của nước ngoài phải tuân theo các trường được Bộ Giáo dục Đài Loan công bố. Vui lòng tham khảo trang web của Vụ Giáo dục xuyên eo biển của Bộ Giáo dục Đài Loan. Vui lòng truy cập trang web của Bộ Giáo dục Đài Loan → nhấp vào "Cục Giáo dục Quốc tế và Xuyên eo biển" → nhấp vào "Khu chủ đề" → nhấp vào "Du học" → nhấp vào "Tham khảo các trường đại học và trường Đại Học nước ngoài" Đăng ký".

十、在臺就讀其他大學校院時，未因操行或學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍者。

Trong thời gian học tập tại các trường cao đẳng, đại học khác tại Đài Loan Ứng viên từng bị đuổi học hoặc mất tư cách sinh viên do không đạt hạnh kiểm hoặc học lực, vi phạm nghiêm trọng pháp luật hoặc quy định của nhà trường, không được phép nộp đơn.

十一、外國學生申請轉學至本校學士班，需已在臺就讀大專校院，方得提出申請。其報考資格比照一般生轉學規定審查，符合者得申請轉入本校學士班二年級或性質相近三年級就讀。本校將依其資格審查結果編入適當年級就讀。

Sinh viên nước ngoài muốn đăng ký chuyển tiếp sang chương trình Đại Học của trường YZU chúng tôi, bắt buộc phải đã từng học tại một trường Cao Đẳng hoặc Đại Học ở Đài Loan trước đó. Điều kiện xét duyệt sẽ dựa theo quy định chuyển trường giống với sinh viên trong nước, những sinh viên đạt yêu cầu có thể đăng ký chuyển tiếp lên năm 2 chương trình đại học của trường hoặc năm 3 có tính chất tương tự. YZU sẽ sắp xếp học sinh vào các lớp phù hợp theo kết quả kiểm duyệt.

十二、如違反上述任一條件之申請者，經查證屬實後，撤銷入學資格、開除學籍或本校畢業資格，且不發給任何學歷證明。

Nếu thí sinh vi phạm bất kỳ điều kiện nào ở trên, sau khi xác minh, nhà trường sẽ thu hồi tư cách nhập học, đuổi học, hủy tư cách tốt nghiệp, hoặc không cấp chứng chỉ học tập.

## 貳、 招生名額及系所 **Chỉ tiêu và Ngành tuyển sinh**

第一年 Năm Đầu	第二至第五年 Năm Thứ 2 tới Năm Thứ 5		
	學院 Học Viện	學系 Khoa	名額 Chỉ tiêu
國際專修部 Văn phòng Chương trình Dự Bị Đại học Quốc tế	工程學院 Viện Kỹ Thuật	工業工程與管理學系 Khoa Kỹ thuật Công Nghiệp và Quản Lý	74
		化學工程與材料科學學系 Khoa Kỹ Thuật Hóa Học và Khoa Học Vật Liệu	
		機械工程學系 Khoa Kỹ Thuật Cơ Khí	
	資訊學院 Viện Tin Học	資訊工程學系 Khoa Khoa Học Máy Tính và Kỹ Thuật	
		資訊管理學系 Khoa Quản Lý Thông Tin	
	電機通訊學院 Viện Điện tử Viễn thông	電機工程學系 (甲、乙、丙組) Khoa Kỹ Thuật Điện (Nhóm ngành A, B, hoặc C)	

## 參、 修業年限 **Thời gian chương trình**

- 一、 第一年需於國際專修部修習華語先修課程，期間不得轉校、轉系。每週修習 20 小時以上，1 年至少 720 小時，修業期滿前需達到華語文能力測驗(TOCFL)聽力與閱讀測驗基礎級 A2 標準，若提前達到華語標準得於第二學期進入學士班修讀課程。

Trong năm đầu tiên, các ứng viên phải học ít nhất 20 giờ học tiếng Trung mỗi tuần, tổng cộng ít nhất 720 giờ học tiếng Trung và đạt được Cấp độ 2 (A2) cho Bài kiểm tra nghe nói tiếng Trung như một ngoại ngữ (TOCFL). Ứng viên không thể chuyển sang ngành khác hoặc trường khác trong giai đoạn học tiếng Trung này. Nếu trong học kì đầu tiên ứng viên đã đạt được tiêu chuẩn tiếng Trung, Ứng viên có thể bắt đầu nộp hồ sơ cho chương trình Đại Học trong học kỳ thứ hai.

- 二、 華語先修期間未能考取華語文能力測驗(TOCFL)基礎級 A2 標準者，將依辦法退學處分。Những sinh viên không đạt trình độ cơ bản A2 của Kỳ thi năng lực tiếng Trung TOCFL trong năm đầu học tiếng Trung sẽ bị đuổi học theo quy định.

- 三、 第二年正式入學後，大二起需達到華語文能力測驗(TOCFL)聽力與閱讀測驗基礎級 B1 標準，且得於製造業、營造業、農業及長期照顧等相關系所申請轉系或轉學。

Sau năm đầu tiên học tại khoa, các ứng viên phải đạt được Cấp độ 3 (B1) về Nghe và Đọc hiểu của TOCFL, sau đó ứng viên có thể nộp hồ sơ chuyển sang các khoa hoặc trường đại học liên quan đến sản xuất, xây dựng, nông nghiệp, hoặc chăm sóc dài hạn.

- 四、 學士班修業年限為 4-6 年，連同國際專修部修業年限為 5-7 年。

Thời gian học của chương trình cử nhân là 4-6 năm, tổng số năm bao gồm cả chương trình dự

bị đại học quốc tế là 5-7 năm.

#### 肆、報名方式 **Phương Thức Đăng Ký**

一、一律採用線上申請系統報名，不接受紙本資料，且逾期不受理。

Chỉ nhận đơn đăng ký được thực hiện thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến. Các mẫu đơn gửi bằng giấy sẽ không được chấp nhận và các đơn được nộp quá hạn sẽ không được chấp nhận.

二、線上申請網址：<https://yzu-apply.yzu.edu.tw/>

Link đăng ký trực tuyến: <https://yzu-apply.yzu.edu.tw/>

三、繳交資料請詳閱下方之「應繳資料及證明文件」。

Vui lòng đọc phần "Thông tin và tài liệu hỗ trợ cần thiết" bên dưới để biết chi tiết.

四、免收報名費，每人可選填 3 個志願，每位考生限受理 1 份報名表。

Phí đăng ký được miễn, mỗi người có thể chọn 3 ngành học và mỗi ứng viên chỉ được nộp 1 mẫu đơn đăng ký.

五、請依線上申請系統指示及簡章說明，確實填寫資料，上傳必繳項目，並且完成面試；面試相關資訊將另行通知。

Vui lòng làm theo hướng dẫn hệ thống đăng ký trực tuyến và trong sổ tay tuyển sinh, điền thông tin đầy đủ và tải lên các mục cần thiết. Các thí sinh nộp đơn đăng ký phải cung cấp tất cả thông tin và nộp tất cả các tài liệu được yêu cầu trên hệ thống đăng ký trực tuyến, cũng như hoàn thành cuộc phỏng vấn. Những chi tiết về cuộc phỏng vấn sẽ được thông báo sau.

#### 伍、應繳資料及證明文件 **Thông tin và yêu cầu**

申請者須依規定將下列資料上傳至線上申請系統：

Ứng viên phải tải các giấy tờ sau lên hệ thống đăng ký trực tuyến theo quy định:

一、護照封面及基本資料內頁。

Mặt ngoài hộ chiếu và các trang bên trong có chứa các thông tin cơ bản.

二、畢業證書、在學證明等學歷證件：

1. 應屆畢業生，繳交應屆當學期學生證或在學證明書；但至遲必須在入學前取得正式畢業證書；或臨時畢業證明，並於第二學期前提供正式畢業證書，俾供本校審查。

2. 已畢業者，繳交畢業證書影本。申請學士班請繳交高中畢業證書。

以上文件均須譯成中文（英文證件免譯），否則將視為報名資格不符，已錄取者撤銷錄取及入學資格。

Các chứng chỉ học tập như bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận của trường

1. Sinh viên mới tốt nghiệp có thể nộp thẻ sinh viên hoặc giấy chứng nhận học tập tại học kỳ hiện tại, tuy nhiên trước khi nhập học phải có bằng tốt nghiệp chính thức, hoặc bằng tốt nghiệp tạm thời nhưng trước học kỳ thứ 2 phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp chính thức để nhà trường xét duyệt.

2. Ứng viên đã tốt nghiệp phải nộp bản sao Bằng tốt nghiệp. Ứng viên muốn nộp vào chương trình Đại Học cần nộp bằng điểm Trung Học Phổ Thông.

Tất cả các chứng chỉ trên đều phải dịch sang tiếng Trung (đối với chứng chỉ tiếng Anh thì không cần dịch), nếu không nộp bổ sung ứng viên sẽ bị coi là không đáp ứng đủ điều kiện, tư cách nhập học người đã trúng tuyển sẽ bị thu hồi.

三、歷年成績單：應屆畢業生提供高一及高二成績單及學業成績排名證明。非應屆畢業生申請大學部者，請提供高中歷年成績單。成績單必須翻譯成中文或英文。

Bảng điểm học tập: Ứng viên sắp tốt nghiệp trong năm hiện tại phải nộp bản sao học bạ và giấy chứng nhận xếp hạng của năm lớp 10 và 11. **Những giấy tờ này phải là bản tiếng Trung hoặc tiếng Anh.**

- 四、自傳：以中文或英文撰述，內容格式不拘，若申請多個志願，使用不同自傳內容，請於申請系統中就不同志願輸入。  
Tự truyện: Nên viết bằng tiếng Trung phồn thể hoặc tiếng Anh. Các ứng viên gửi các phiên bản khác nhau của tự truyện để đăng ký vào các chương trình khác nhau phải chỉ định tên của từng chương trình và điền vào phần tương ứng trong hệ thống ứng dụng trực tuyến.
- 五、照片：六個月內脫帽正面之 2 吋相片數位檔案。  
Mỗi Ứng viên phải nộp một bức ảnh 2×2 inch được chụp trong vòng 6 tháng qua với nguyên khuôn mặt và không đội mũ.
- 六、元智大學國際專修部外國學生具結書：如附件一，申請人需閱讀、填寫及簽名後上傳至申請系統。  
Bản cam kết dành cho sinh viên quốc tế của Đại học Yuan Ze (như Phụ Lục I). Ứng viên cần đọc kỹ, ký tên và tải lên hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến.
- 七、中文程度調查表：請填寫附件二。  
Khảo sát về Trình độ Tiếng Trung của người nộp đơn (như Phụ lục II).
- 八、三個月內的財力證明：足夠在臺就學之最近三個月內財力證明（美金 4,000 元或新臺幣 120,000 元以上之財力證明）或政府獎學金證明；財力證明不得採用代辦、公司行號或個人開立證明；如存款證明非申請人帳戶，需附上資助者之聲明書。  
Chứng minh tài chính trong vòng 3 tháng gần nhất: Giấy tờ chứng minh số dư tài khoản ngân hàng trong 3 tháng gần đây đủ để chi trả cho việc học tại Đài Loan (4.000 đô la Mỹ hoặc 120.000 Đài tệ trở lên) hoặc chứng nhận học bổng của Chính phủ; không chấp nhận các chứng minh tài chính được cấp bởi cơ quan, công ty hoặc cá nhân. Nếu các giấy tờ chứng minh tài chính không phải của người nộp đơn, thì cần có bản sao từ người bảo lãnh (bằng tiếng Trung Phồn thể hoặc tiếng Anh).
- 九、其他有利審查資料等，如國家考試成績、競賽獲獎、社團參與、學生幹部等經歷。  
Các tài liệu hỗ trợ khác: Bằng chứng về thành tích của các tác phẩm chuyên ngành (hoặc các buổi biểu diễn đặc biệt), các giấy phép, chứng chỉ liên quan khác. Vui lòng đính kèm các chứng chỉ tiếng Anh nếu ứng viên đăng ký Chương trình tiếng Anh

\* 註 1. 上述畢業證書、在學證明及歷年成績單等申請資料如為中、英文以外之語文，應加附中文或英文譯本。成績證明須由學生就讀學校出具，且一律須加蓋教務處戳章。

\* 註 2. 畢業證書、在學證明及歷年成績單，申請時提供電子檔，經錄取來臺註冊入學後須繳交經中華民國政府駐外機構驗證或僑務委員會指定保薦單位核驗之正本俾供審查 (須譯成中文，若為英文證件則免譯)，否則將視為報名資格不符，已錄取者將撤銷錄取及入學資格。

\* 註 3. 凡逾期報名或所附證件不全者，一律不予受理報名；除本校主動通知者外，皆不得申請補繳。

\* Lưu ý 1. Nếu các tài liệu nói trên, chẳng hạn như bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận nhập học và bảng điểm học tập, bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Trung hoặc tiếng Anh, thì ứng viên phải nộp bản tiếng Trung hoặc tiếng Anh của các tài liệu này. Bảng điểm phải là tài liệu chính thức của trường và được đóng dấu bởi Văn phòng Học vụ của trường.

\* Lưu ý 2. Người đăng ký dự tuyển phải nộp file điện tử văn bằng, chứng chỉ đăng ký học, bảng điểm. Sau khi được nhận vào và đăng ký tại trường đại học ở Đài Loan, ứng viên phải nộp bản gốc của các tài liệu này (và dịch chúng sang tiếng Trung nếu chúng bằng ngôn ngữ khác tiếng Trung hoặc tiếng Anh), bản này phải được cơ quan đại diện ở nước ngoài của

Đài Loan xác nhận hoặc một đơn vị đề xuất do Hội đồng các vấn đề cộng đồng ở nước ngoài chỉ định để trường đại học xem xét. Ứng viên không cung cấp các tài liệu nói trên sẽ bị loại; nếu ứng viên đã được nhận vào trường đại học, việc nhập học của ứng viên sẽ bị thu hồi.

\* Lưu ý 3. Các hồ sơ nộp muộn sau thời hạn hoặc hồ sơ cung cấp thông tin không đầy đủ sẽ không được xem xét. Ứng viên không thể nộp đơn nộp hồ sơ muộn trừ khi được YZU thông báo làm như vậy.

## 陸、錄取原則 Nguyên tắc nhập học

一、國際專修部為針對未有華語能力基礎學生之入學管道，會以 22 歲以下且無來臺工作經驗者為優先錄取。

Chương Trình Dự Bị Quốc Tế phù hợp với những thí sinh chưa có nền tảng năng lực tiếng Trung và ưu tiên cho những ứng viên dưới 22 tuổi, cũng như chưa từng có kinh nghiệm làm việc ở Đài Loan.

二、本校國際專修部外籍生申請入學，由全球事務處受理報名，經審查小組審查合格者，提送招生委員會確認

Các đơn nộp sẽ được quản lý bởi GAO, nơi sẽ xác minh các hồ sơ và gửi các hồ sơ hợp lệ tới các Ủy ban tuyển sinh của các Khoa.

三、本項招生採書面審查及面試方式進行；面試為必備審查項目，未參加者不予錄取。

Quy trình xét tuyển bao gồm xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn. Phỏng vấn là phần bắt buộc; ứng viên không tham dự phỏng vấn sẽ không được nhận.

四、申請人所申請之學系審核通過者，依所填志願序順序錄取，正取至多錄取一學系。

Các ứng viên đáp ứng yêu cầu của các Khoa sẽ chỉ được nhận vào một chương trình dựa trên thứ tự của các Khoa ưu tiên được liệt kê trong mẫu đơn.

五、錄取結果公告後，錄取生須於公告規定期限內回覆入學意願。逾期未回應者，即視同放棄。所遺缺額由備取生依規定遞補。

Sau khi có thể tra cứu kết quả xét tuyển, thí sinh trúng tuyển phải phản hồi xác nhận nhập học trước thời hạn quy định. Nếu không phản hồi trước thời hạn, sẽ được xem là từ bỏ tư cách trúng tuyển. Các suất trống phát sinh sẽ được bổ sung bằng thí sinh trong danh sách chờ theo đúng quy định.

六、依當時缺額狀況，遞補結果將會公告於全球事務處網站。

Tùy theo tình hình chỉ tiêu trống tại thời điểm đó, kết quả xét tuyển từ danh sách chờ sẽ được công bố trên website của Văn phòng Hợp tác Quốc tế (Office of Global Affairs).

七、備取生須於公告規定期限內回覆入學意願。逾期未回應者，即視同放棄。

Thí sinh trong danh sách chờ phải xác nhận nguyện vọng nhập học trong thời hạn được nêu trong thông báo. Nếu không phản hồi trước thời hạn, sẽ được xem là từ bỏ quyền nhập học.

## 柒、申訴程序 Thủ Tục Khiếu Nại

一、考生對招生事宜有疑義者，應於收到通知之次日起十五日內，以申訴書載明事實及理由，並檢附有關文件及證據，向本校招生委員會提出申訴，逾期不予受理。招生委員會於接獲申訴書後，應於一個月內正式答復；必要時，應組成專案小組公正調查處理，並告知申訴人行政救濟程序。

Ứng viên có thắc mắc, khiếu nại liên quan đến việc xét tuyển vui lòng gửi đơn khiếu nại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tuyển. Khiếu nại quá hạn sẽ không được chấp nhận.

Sau khi nhận được khiếu nại, hội đồng tuyển sinh phải đưa ra câu trả lời chính thức trong vòng một tháng, nếu cần thiết sẽ thành lập tổ chuyên án điều tra thụ lý và thông báo cho người khiếu

nại các thủ tục xử lý hành chính.

二、有關招生糾紛處理程序悉依本校考生申訴處理辦法之規定辦理。

Thủ tục xử lý khiếu nại sẽ tuân theo Quy định về các biện pháp xử lý khiếu nại của ứng viên Đại học Nguyễn Trí.

### 捌、相關注意事項 Lưu Ý Liên Quan

一、凡報名本招生者，即視為同意授權本校將取得之基本資料及相關檔案，運用於本校招生、註冊入學及相關統計研究與教育行政目的使用，餘均依照「個人資料保護法」相關規定辦理。

Dữ liệu cá nhân được gửi để đăng ký sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích nhập học và phân tích thống kê liên quan.

二、不論錄取與否，所繳交報名表件、資料概不退還；相關文件如有需要留存，請申請者自行留存備份。

Mẫu đơn và tài liệu đã nộp sẽ không được trả lại cho người nộp đơn cho dù họ có được nhận hay không. Người nộp đơn nên giữ thêm bản sao của các tài liệu nếu họ cần những tài liệu này cho các mục đích khác.

三、錄取者，若主管機關審查不符身份資格者，或所繳證明文件有偽造、假借、冒用、塗改或變造等情事者，即取消其錄取資格或開除學籍，且不發給任何有關學業之證明；如係在本校畢業後始發現者，除勒令撤銷其學位(畢業)證書外，並公告註銷其畢業資格，該生並應負法律責任。

Nếu YZU phát hiện ra rằng một sinh viên được nhận cung cấp chứng chỉ hồ sơ không hợp lệ hoặc bất kỳ tài liệu nào bị giả mạo, đánh cắp hoặc thay đổi, sinh viên đó sẽ bị cho thôi học khỏi YZU và sẽ không nhận được bất kỳ chứng chỉ học tập nào. Nếu trường hợp như vậy được phát hiện ở một sinh viên đã tốt nghiệp YZU, bằng tốt nghiệp và bằng cấp học thuật của sinh viên đó sẽ bị thu hồi và sinh viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi của mình.

四、本校核發之錄取通知書並不保證取得來臺簽證，各項入出境簽證手續，請自行依有關法令規章辦理。

Việc được nhập học không đảm bảo chắc chắn thị thực để nhập cảnh vào Đài Loan. Thị thực được xét duyệt và cấp bởi các đại sứ quán ở nước ngoài của Bộ Ngoại Giao Đài Loan.

五、華語先修期間不得轉系或轉學，但於正式修讀學士班專業課程 1 年後或通過華語檢定標準，得於製造業相關系所申請轉系。

Không được phép thay đổi Khoa trong năm đầu tiên của chương trình giáo dục Dự Bị Tiếng Trung. Tuy nhiên, sau khi học tiếng Trung một năm hoặc vượt qua cấp độ TOCFL A2, sinh viên được phép đăng ký thay đổi bộ phận trong ngành liên quan đến sản xuất.

### 玖、註冊相關規定 Qui Định Đăng Kí

一、凡經公告錄取且於期限內回覆意願者，應於規定日期來校辦理報到或入學手續，逾期不到且非告知經同意者，即取消其入學資格。

Sinh viên mới trúng tuyển phải đến trường làm thủ tục đăng ký và nhập học vào ngày đã quy định hoặc đã thông báo vắng mặt và đã được chấp thuận. Nếu không ứng viên sẽ bị loại.

二、為瞭解學生健康狀況，依據學校衛生法第八條及元智大學學則第七條規定，新生入學時應參加本校實施之健康檢查。

Để hiểu rõ tình trạng sức khỏe của học sinh, theo Điều 8 của Đạo luật Y tế Học đường và Điều 7 của Nguyên tắc Học tập của Đại học Yuan Ze, tân sinh viên khi đăng ký nhập học nên tham gia khám sức khỏe do nhà trường tổ chức.

三、註冊入學後，學生應依各學系之要求修習相關課程、及其他規定，始符合畢業資格。

Sau khi đăng ký, sinh viên nên tham gia các khóa học liên quan và các quy định khác theo yêu cầu của từng khoa trước khi đủ điều kiện tốt nghiệp.

四、本簡章未盡事宜，悉依本校相關規定或經招生委員會之決議辦理。

Những vấn đề không có trong sách hướng dẫn này sẽ được xử lý theo quy định có liên quan của nhà trường hoặc theo nghị quyết của Hội đồng tuyển sinh.

### 壹拾、收退費標準 Học phí và lệ phí

#### 一、華語先修期間收取費用

Học phí và lệ phí cho Năm đầu tiên trong Chương trình Dự bị Đại học Quốc tế

學期 Kì	收費項目 Khoản	金額(新台幣) TWD
第一學期 Kì đầu tiên	學雜費 Học phí và lệ phí	45,000
	學生平安保險 Bảo hiểm bình an	199
	新生醫療保險費 Bảo hiểm	3,500
	住宿費(含保證金 2,000 元，可退) Phí kí túc xá 6 tháng: 14,650 + 2,000 tiền cọc (được hoàn lại)	16,650
	華語課程相關教科書、教具 Sách giáo khoa, dụng cụ phục vụ khóa học tiếng Trung	1,000
第一學期合計 Tổng Học Kì 1		<b>66,349</b>
第二學期 Học kì 2	學雜費 Học phí và lệ phí	45,000
	學生平安保險 Bảo hiểm bình an	199
	全民健康保險 Bảo hiểm	4,956
	住宿費 Kí túc xá	14,650
	華語課程相關教科書、教具 Sách giáo khoa, dụng cụ phục vụ khóa học tiếng Trung	1,000
第二學期合計 Tổng Học Kì 2		<b>65,805</b>

※實際住宿費用依學校網頁公告為準，元智大學保留相關修改權力。

※Chi phí ký túc xá chính xác được căn cứ theo mục “Học phí và các khoản phí” trên website của Đại học Nguyên Trí. Đại học Nguyên Trí bảo lưu quyền điều chỉnh các chính sách liên quan

二、第二年至至第五年於專業領域修讀收費標準

Học phí và lệ phí cho năm thứ hai đến năm thứ năm.

1. 以下提供學雜費收費標準供參考，所有金額以新台幣計算，實際費用依本校網頁為準，元智大學保留相關修改權利。

Bảng dưới đây là chi tiết về tiền học phí và tiền tạp phí của trường, với đơn vị tiền tệ là TWD. Chi phí chính xác được căn cứ theo thông tin trên website của Đại học Nguyên Trí. Đại học Nguyên Trí có quyền điều chỉnh các chính sách liên quan.

學雜費/學期 Học phí và chi phí/học kỳ				
學院 Học Viện	年級 Năm học	學費 Học phí	雜費 Tạp phí	總計 Tổng cộng
工程學院 Viện Kỹ thuật	一年級 Năm đầu tiên	40,810	15,230	56,040
	二到四年級 Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	40,810	14,720	55,530
電機通訊學院 Viện Điện Tử Viễn Thông	一年級 Năm đầu tiên	40,810	15,230	56,040
	二到四年級 Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	40,810	14,720	55,530
資訊學院 Viện Tin Học	一年級 Năm đầu tiên	40,810	15,230	56,040
	二到四年級 Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	40,810	14,720	55,530

其他費用 Những khoản phí khác		
項目 Hạng mục	金額 Khoản tiền	適用對象 Điều kiện hợp lệ
電腦及網路通訊使用費 Phí sử dụng dịch vụ máy tính và mạng truyền thông	1,000	大一至大四學生 Học sinh từ năm nhất đến năm thứ tư
體育設施使用維護費 Chi phí bảo trì các cơ sở vật chất thể dục thể thao	600	大一至大四學生 Học sinh từ năm nhất đến năm thứ tư
平安保險費 Bảo hiểm nhóm sinh viên	199	全校學生 Tất cả các học sinh
全民健康保險 (NHI) Bảo hiểm y tế	4,956	外國學生 Sinh viên quốc tế

三、元智大學學雜費退費基準依據教育部「專科以上學校學雜費退費基準表」辦理：  
Các tiêu chuẩn hoàn trả học phí và tạp phí của đại học Nguyên Trí dựa trên “tiêu chuẩn hoàn trả học phí và tạp phí cho các trường cấp trung học trở lên” của Bộ Giáo Dục tại website.

學生休、退學時間 Thời gian xin thôi học	學費、雜費退費比例 Phần trăm hoàn tiền
一、註冊日（包括當日）前申請休退學者 Người nộp đơn xin thôi học trước ngày đăng ký (bao gồm cả ngày đăng ký).	免繳費；如已收費者，全額退費 Được miễn nộp phí; nếu đã nộp thì sẽ được hoàn trả toàn bộ.
二、於註冊日之次日起至上課（開學）日之前一日申請休、退學者 Người nộp đơn xin thôi học từ ngày sau ngày đăng ký đến trước 01 ngày so với ngày bắt đầu lên lớp (ngày khai giảng).	學費退還三分之二，雜費全部退還 Hoàn trả 2/3 học phí, hoàn trả toàn bộ phí tạp phí.
三、於上課（開學）日（包括當日）之後而未逾學期三分之一申請休、退學者 Người nộp đơn xin thôi học từ ngày bắt đầu lên lớp (ngày khai giảng) trở đi (bao gồm cả ngày đó) nhưng chưa quá 1/3 học kỳ.	學費、雜費退還三分之二 Hoàn trả 2/3 học phí và tạp phí.
四、於上課（開學）日（包括當日）之後逾學期三分之一，而未逾學期三分之二申請休、退學者 Người nộp đơn xin thôi học từ ngày bắt đầu lên lớp (ngày khai giảng) trở đi (bao gồm cả ngày đó), sau khi đã qua 1/3 học kỳ nhưng chưa quá 2/3 học kỳ.	學費、雜費退還三分之一 Hoàn trả 1/3 học phí và tạp phí.
五、於上課（開學）日（包括當日）之後逾學期三分之二申請休、退學者 Người nộp đơn xin thôi học sau khi đã qua 2/3 học kỳ.	所繳學費、雜費，不予退還 Học phí và tạp phí đã nộp sẽ không được hoàn trả.

### 壹拾壹、學校獎助學金 Học bổng YZU

- 一、國際專修部先修生修業期滿後，於修讀大學部一年級起，得申請外國學生獎助學金補助  
Sau khi hoàn thành chương trình học ở khoa quốc tế, sinh viên có thể nộp đơn xin học bổng và trợ cấp cho sinh viên quốc tế ngay từ năm đầu tiên chuyên ngành.
- 二、元智大學國際專修部學生獎助學金辦法請參考附錄 3。  
Vui lòng tham khảo Phụ lục 3 để xem Quy định về học bổng dành cho sinh viên Chương trình Dự bị Quốc tế (International Foundation Program).
- 三、元智大學保留更新外國學生獎助學金規定之權利。  
Đại học Nguyên Trí (Yuan Ze University) có quyền điều chỉnh chính sách học bổng.

**【附件一】元智大學國際專修部外國學生具結書**

**Phụ lục 1 Bản cam kết dành cho sinh viên quốc tế của Đại Học Nguyên Trí**

**元智大學國際專修部外國學生具結書**

**Bản cam kết dành cho sinh viên quốc tế của Đại Học Nguyên Trí**

1. 本人保證符合中華民國教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定。

Tôi xác nhận rằng tôi đáp ứng các yêu cầu trong “Quy định về sinh viên quốc tế học tập tại Đài Loan” do Bộ Giáo dục, Đài Loan (R.O.C.) ban hành.

2. 本人保證符合以下其中之一：Tôi xác nhận rằng tôi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。

Là người có Quốc tịch nước ngoài, chưa từng có Quốc tịch Đài Loan, tại thời điểm đăng ký không phải là sinh viên Hoa Kiều.

具外國國籍，且兼具中華民國國籍者，自始未曾在臺設有戶籍，且最近連續居留海外6年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度經海外聯合招生委員會分發。

Là người có quốc tịch nước ngoài, đã từng có quốc tịch Đài Loan, chưa bao giờ nhập hộ khẩu tại Đài Loan, trước đây đã cư trú ở nước ngoài liên tục ít nhất sáu năm, chưa từng học tập tại Đài Loan với tư cách là một Hoa Kiều, cũng như chưa được trường đại học nào chấp nhận học trong năm học hiện tại.

具外國國籍，且曾兼具中華民國國籍者，於申請時已經內政部許可喪失中華民國國籍已滿8年，且最近連續居留海外6年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度經海外聯合招生委員會分發。

Là người có quốc tịch nước ngoài, đã từng có quốc tịch Đài Loan nhưng đã xin từ bỏ quốc tịch Đài Loan từ 8 năm trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ với sự chấp thuận của Bộ Nội vụ, đã cư trú ở nước ngoài liên tục trong ít nhất sáu năm, trước đây chưa bao giờ học tập tại Đài Loan với tư cách là một Hoa Kiều, cũng như chưa được trường đại học nào chấp nhận học trong năm học hiện tại.

具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿6年以上者。

Là người có quốc tịch nước ngoài đủ điều kiện thường trú tại Hồng Kông hoặc Macao, chưa từng nhập hộ khẩu tại Đài Loan và tại thời điểm nộp đơn đã cư trú tại Hồng Kông, Macao hoặc các nơi khác ở nước ngoài liên tục trong ít nhất sáu năm

曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外6年以上者。

Là người trước đây đến từ Khu vực Đại Lục, có quốc tịch nước ngoài, chưa từng nhập hộ khẩu tại Đài Loan, và tại thời điểm nộp đơn đã cư trú ở nước ngoài liên tục ít nhất sáu năm.

3. 本人所提供之最高學歷證明（申請大學部者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書），在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，並所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。

Chúng chỉ học vấn cao nhất của tôi (đăng ký đại học phải cung cấp bằng tốt nghiệp cấp ba, đăng ký chương trình Thạc sĩ phải cung cấp bằng tốt nghiệp Đại học, đăng ký chương trình Tiến sĩ phải cung cấp bằng Thạc sĩ) đã được cấp hợp pháp và hợp lệ tại quốc gia của trường mà tôi đã tốt nghiệp, đồng thời có giá trị tương đương với chứng chỉ học vị Đài Loan.

本人所提供之所有相關資料（包括學歷、護照及其他相關文件之正本及影本）均為合法有效之文件，如有不符規定或變造之情事，經查屬實，即取消入學資格，且不發給任何有關之學分證明。

Tất cả các giấy tờ tôi cung cấp (bao gồm bản chính hoặc bản sao bằng tốt nghiệp, hộ chiếu và các

giấy tờ liên quan khác) đều hợp pháp và hợp lệ. Nếu bất kỳ tài liệu nào bị phát hiện là không hợp lệ hoặc giả mạo, tôi sẽ bị hủy tư cách sinh viên của trường và sẽ không nhận được bất kỳ văn bằng chứng chỉ liên quan nào.

4. 本人取得入學許可後，在辦理報到時，須繳交我國駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之畢業證書及成績單（認證章）正本，始得註冊入學，屆時若未如期繳交，即由貴校取消入學資格，絕無異議。

Sau khi nhận được thông báo nhập học, lúc báo danh tôi phải nộp bản gốc (chứng thực) bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm được chứng thực bởi Văn phòng Đài Bắc, văn phòng đại diện hoặc các tổ chức được ủy quyền của Bộ Ngoại giao. Việc nhập học sẽ bị hủy bỏ nếu các tài liệu đó không được nộp đúng hạn và không được quyền khiếu nại.

5. 本人不曾在台以外國學生身分完成高中學校學程，亦未曾遭中華民國國內大專院校退學。

Tôi xin xác nhận rằng tôi không hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông ở Đài Loan với tư cách là sinh viên quốc tế và chưa bao giờ bị đuổi học bởi một trường đại học hoặc cao đẳng nào ở Đài Loan.

6. 本人切結進入國際專修一年華語課程,於先修期間應取得華語文能力檢測(TOCFL)A2 基礎級標準,接續修讀正式學位。本人明白先修華語一年未達華語能力檢測 A2 標準將受退學處分,不得繼續修讀學位專業課程。特例此切結書。

Tôi cam kết tham gia học dự bị tiếng Trung một năm, sau một năm tôi phải đạt được trình độ TOCFL A2 và tiếp tục học để lấy bằng chính quy. Tôi hiểu rằng những người không đạt TOCFL A2 sau năm học dự bị tiếng Trung sẽ bị đuổi học và không được phép tiếp tục học các chương trình học vị.

7. 簡章中文版與英譯版語意有所差異時，依中文版為主。

Nếu có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa bản tiếng Trung và bản dịch tiếng Anh của tài liệu này, thì bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên áp dụng.

上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實者，本人願意接受貴校註銷學籍處分，絕無異議。

Tôi đồng ý để trường Đại học Nguyên Trí xác minh các thông tin được cung cấp ở trên. Nếu bất kỳ thông tin nào bị phát hiện là sai sau khi nhập học, tôi sẵn sàng chấp nhận việc Nhà trường hủy bỏ tư cách sinh viên của tôi mà không phản đối.

申請人簽章 (Chữ ký của ứng viên) : \_\_\_\_\_

護照 (居留證) 號碼 (Số hộ chiếu hoặc ARC) : \_\_\_\_\_

具結日期 (Ngày khai báo) : 西元年(YYYY)                      月(M)                      日(D)

**【附件二】華語程度調查表 Phụ lục 2 Bản Khảo sát Trình Độ Tiếng Trung**

**華語程度調查表  
Bản Khảo Sát Trình Độ Tiếng Trung**

<p>1. 你學過華語嗎？Bạn đã từng học tiếng Trung bao giờ chưa? <input type="checkbox"/> 沒學過，請續答第 2 題 Chưa từng (Vui lòng tiếp tục với Câu hỏi 2) <input type="checkbox"/> 學過，請續答第 1.1 題 Đã từng (Xin tiếp tục với Câu 1.1) 1.1 你學過哪些教材？（請詳細填寫） Những tài liệu bạn đã sử dụng trong việc học tiếng Trung? (Hãy trả lời chi tiết.)</p>
<p>1.2 你學過多久的華語？（請詳細填寫）Bạn đã học tiếng Trung được bao lâu rồi? (Hãy trả lời chi tiết.) 每週 Khoảng _____ 小時 giờ/ tuần，學了 Được _____ 年 Năm _____ 個月 Tháng 1.3 一共學了 Tôi đã học _____ 年 Năm _____ 個月 Tháng 1.4 在哪裡學華語？Bạn đã học tiếng Trung ở đâu? _____</p>
<p>2. 你會不會說華語？Bạn có thể nói tiếng Trung không? <input type="checkbox"/> 不會 Không <input type="checkbox"/> 會 Có (<input type="checkbox"/> 流利 Thành thạo <input type="checkbox"/> 足以溝通 Tốt <input type="checkbox"/> 尚可 Khá tốt <input type="checkbox"/> 差強人意 Vừa đủ <input type="checkbox"/> 一點 Một chút)</p>
<p>3. 整體中文程度自評 Tự đánh giá trình độ tiếng Trung <input type="checkbox"/> 優異 Xuất sắc <input type="checkbox"/> 良好 Tốt <input type="checkbox"/> 尚可 Khá <input type="checkbox"/> 差強人意 Không biết <input type="checkbox"/> 初學 Bắt đầu</p>
<p>4. 你會不會看華語？Bạn có thể đọc tiếng Trung không? <input type="checkbox"/> 會，請續答第 4.1 題 Có (Vui lòng tiếp tục với Q 4.1) <input type="checkbox"/> 不會，請續答第 5 題 Không (Vui lòng tiếp tục với Q 5 ) 4.1 你會看的字體是？Bạn đọc được bộ chữ in nào của tiếng Trung? <input type="checkbox"/> 正體字 Phồn thể <input type="checkbox"/> 簡體字 Giản thể <input type="checkbox"/> 兩種都會 Cả hai</p>
<p>5. 你會不會寫中文字？Bạn có thể viết tiếng Trung không? <input type="checkbox"/> 會，請續答第 5.1 題 Có (Vui lòng tiếp tục với Q5.1) <input type="checkbox"/> 不會，請續答第 6 題 Không (Vui lòng tiếp tục với Q6) 5.1 你會寫的字體是？Bạn có thể viết bộ chữ in nào của tiếng Trung? <input type="checkbox"/> 正體字 Phồn thể <input type="checkbox"/> 簡體字 Giản thể <input type="checkbox"/> 兩種都會 Cả hai</p>
<p>6. 你在華語環境一共住過多久？Bạn đã sống trong môi trường tiếng Trung bao lâu rồi? Từ _____ 年 Năm _____ 個月 Tháng 在：<input type="checkbox"/> 台灣 Đài Loan <input type="checkbox"/> 中國大陸 Trung Quốc Đại Lục <input type="checkbox"/> 香港 Hồng Kông <input type="checkbox"/> 其他地方 Đất nước/ Thành Phố khác (請寫出地點 Vui long ghi rõ:_____)</p>
<p>7. 你參加過華語能力測驗嗎？Bạn đã bao giờ làm bài kiểm tra trình độ tiếng Trung chưa? <input type="checkbox"/> 沒參加過 Chưa <input type="checkbox"/> 有，參加過的考試名稱為 Có, Tôi đã _____, 成績為 và nhận được bằng trình độ _____.</p>

### 【附件三】元智大學國際專修部學生獎助學金辦法

## Appendix 3 Regulations of Scholarships for Students of the International Foundation Program

114.01.08 113-9 行政會議審議通過

114.12.31 114-11 行政會議審議通過

- 第一條 為鼓勵本校國際專修部學生精進華語文及專業課程之學習，特訂定國際專修部獎助學金辦法(以下簡稱本辦法)。
- 第二條 適用對象：本辦法適用於 116 學年度第 1 學期起進入系所 1 年級第 1 學期就讀之學生。
- 第三條 獎助學金類別、內容及申請程序如下：
- 一、獎助學金類別及內容：
- (一) 國際專修部學雜費助學金：
1. 國際專修部學生正式進入系所 1 年級第 1 學期，符合下列情況者，提供助學金：
    - (1) 華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗取得 B2 或以上者，且國際專修部修業期間華語成績達 90 分或以上者，提供同學學雜費 50% 助學金；
    - (2) 華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗取得 B1 者，且國際專修部修業期間華語成績達 90 分或以上者，提供同學學雜費 20% 助學金。
  2. 國際專修部學生正式進入系所 1 年級第 2 學期起之獎助學金補助方式，依「元智大學外國學生獎助學金設置辦法」及「元智大學僑生獎助學金設置辦法」辦理。
- (二) 國際專修部華語文能力測驗獎學金：
1. 國際專修學生於進入系所後，於大一期間參加華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗，測驗成績優於其在國際專修部修業期滿時所取得之成績，得申請 2,000 元獎學金。
  2. 每位學生僅限申請一次。
- 二、申請程序：
- (一) 國際專修部學雜費助學金：
1. 國際專修部學生正式進入系所 1 年級第 1 學期，於開學時提交獎助學金表申請至全球事務處，由全球事務處審核後通過。
  2. 國際專修部學生正式進入系所 1 年級第 2 學期起之獎助學金申請程序，依「元智大學外國學生獎助學金設置辦法」及「元智大學僑生獎助學金設置辦法」辦理。
- (二) 國際專修部華語文能力測驗獎學金：符合資格之學生須於大二第 1 學期開學日起十五天內，檢附華語能力測驗之相關證明，向全球處國際專修部提出申請，逾時視同放棄，不得提出異議。
- 第四條 經發現有利用偽造或不實之情事申請本獎助學金者，撤銷其獲獎助資格，已領取之獎助學金應予繳回。
- 第五條 學生入學後，應遵守本校學生相關章則規定，若有違犯，經就讀系(所、學程、學院)提出並經全球事務處審查通過，得隨時撤銷其獲獎助資格。
- 第六條 本辦法經行政會議通過後實施，修正時亦同。

# Yuan Ze University

## Regulations of Scholarships for Students of the International Foundation Program

Jan. 8, 2025 Approved at the 9th Executive Council Meeting of 2024 Academic Year  
Dec. 31, 2025 Approved at the 11st Executive Council Meeting of 2025 Academic Year

**Article 1** To encourage students of the International Foundation Program at Yuan Ze University to enhance their proficiency in Chinese language and professional courses, the Regulations of Scholarships for Students of the International Foundation Program (hereinafter referred to as "the Regulations") are established.

### **Article 2** Eligibility

The Regulations apply to students enrolled in the first semester of their first year in their department from the first semester of the 2027 academic year onwards.

### **Article 3** Types, Details, and Application Procedures for Scholarships:

#### I. Types and Details:

##### 1. Scholarships for the International Foundation Program:

1) Students officially entering the first semester of the first year of their department who meet the following conditions are eligible for scholarships:

(1) For students who have achieved Level B2 or higher on the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) Listening and Reading Test, and who achieved a score of 90 or above in Chinese courses during the International Foundation Program study period will be awarded a 50% tuition and miscellaneous fees scholarship.

(2) For students who have achieved Level B1 on the TOCFL Listening and Reading Test, and who have achieved a score of 90 or above in the Chinese courses during the International Foundation Program study period will be awarded a 20% tuition and miscellaneous fees scholarship.

2) Scholarship for students officially entering the second semester of the first year in their department will be processed in accordance with the "Yuan Ze University Regulations of Scholarships for International Students" and the "Yuan Ze University Regulations of Scholarships for Overseas Chinese Students".

##### 2. Chinese Language Proficiency Test Scholarships for the International Foundation Program:

1) Students who, during their first year in the department, participate in the TOCFL Listening and Reading Test and achieve scores higher than those attained at the end of their studies in the International Foundation Program may apply for a scholarship of TWD 2,000.

2) Each student may apply for this scholarship only once.

#### II. Application Procedures:

##### 1. Scholarships for the International Foundation Program:

1) Students officially entering the first semester of the first year in the department must submit the scholarship application form to the Global Affairs Office at the beginning of the semester. The application will be reviewed and approved by the Global Affairs Office.

2) Starting from the second semester of the first year, scholarship applications will follow the "Yuan Ze University Regulations of Scholarships for International Students" and the "Yuan Ze University Regulations of Scholarships for Overseas Chinese Students".

2. Chinese Language Proficiency Test Scholarships for the International Foundation Program: Eligible students must submit relevant TOCFL certification documents to the International Foundation Program in the Global Affairs Office within 15 days from the start of the first semester of their second year. Late submissions will be considered as a waiver of the application, and no objections will be entertained.

**Article 4** Any student who has been found to apply for this scholarship by using a forged instrument or false facts will be immediately disqualified from receiving this scholarship. All the scholarship paid to him/her previously shall be reimbursed to the University.

**Article 5** Students enrolled at Yuan Ze are required to abide by the University's regulations. Scholarship qualifications may be revoked at any time if a violation is reported by the department (program, school, college) and approved by the Global Affairs Office.

The Regulations herein will come into effect after approval by the Administrative Meeting. Amendments to the Regulations shall follow the same procedure.